TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trọng S và bà Trần Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:*** ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 29/6/2020, đối với các bị cáo:

1. **Hoàng V**, sinh ngày 07/8/1990 tại xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (tên gọi khác Hoàng Văn T) và bà Trần Thị S; vợ là Trần Thị H và có 02 con chung (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 19/01/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Ngọc S**, sinh ngày 21/5/1994 tại xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Hoàng Thị H; tiền án: không; tiền sự: Ngày 31/01/2019, bị Công an thị xã Ba Đồn xử phả hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép pháo". Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" tại Nhà tạm giữ

Công an thị xã B từ ngày 19/01/2020 đến ngày 03/4/2020 được thay thế bằng biện pháp "Bảo lĩnh" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Thế A, sinh ngày 10/6/1990; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án::*

+ Anh Trần Văn D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phan B, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Hoàng V biết được mối quan hệ bất chính giữa vợ mình là Trần Thị H với Trần Thế A nên ngày 16/01/2020, V đi máy bay từ Đài Loan về thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để tìm hiểu và làm rõ sự việc. Tại sân bay Đ, V đã liên lạc với H qua facebook để hẹn gặp Thế A nói chuyện. Khi về tới thị xã Ba Đồn, V gọi điện thoại nhờ cháu là Trần Ngọc S đến đón. Sau khi được S chở V về tại Cửa hàng "Hạnh Giang" - là nơi S đang làm việc, V mượn S chìa khóa của cửa hàng để hẹn vợ đến chơi. Lúc này, trong cửa hàng còn Trần Văn D là em trai của S. Thấy trong túi xách của D có một gậy điện, V liền hỏi mượn và D cũng đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, V gọi điện thoại cho H xuống ăn cơm, đồng thời cũng hẹn gặp Thế A để nói chuyện. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius đến cửa hàng "Hạnh Giang", còn Thế A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73F1-440.58 đi từ nhà đến địa điểm đã hẹn. H đến trước và gặp V tại của hàng rồi gọi điện thoại cho Thế A. Thấy V và H nói chuyện, S hỏi V "Có chuyện chi rứa" thì V trả lời "Tí nữa có bồ của con H ghé". Sau đó, H đi qua đứng bên đường phía đối diện cửa hàng "Hạnh Giang" để đợi Thế A. Một lúc sau, thấy có một người điều khiển xe mô tô chạy trên đường, bật tín hiệu xi nhan trái, V xác định đó là Thế A nên đã gọi nhờ D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73K1-003.38 chở V đuổi theo. Khi Thế A dừng xe tại vị trí H đang đứng thì D dừng xe song song phía bên trái xe của Thế A sau đó D tắt khóa điện xe của Thế A, còn V rút chìa khóa xe rồi dùng tay đánh hai cái vào mặt Thế A. Lập tức, V nắm lấy cổ áo và kéo Thế A đi vào phòng ngủ cửa hàng "Hạnh Giang" để nói chuyện. Lúc này, H đi theo sau, D dắt xe mô tô của Thế A còn S thì dắt xe mô tô biển kiểm soát

73K1-003.38 vào để ở trong cửa hàng. S rủ D ngồi ngoài cửa hàng để V làm việc với Thế A.

Khi đến gần phòng ngủ, V lấy 01 roi điện đã chuẩn bị từ trước rồi bấm gậy phát ra tia lửa và tiếng kêu để đe dọa Thế A. Thế A quỳ xuống và xin lỗi V. Sau đó, V nói với Thế A về việc Thế A có quan hệ bất chính với vợ của V là H và việc Thế A gửi những hình ảnh nhạy cảm giữa H và Thế Anhằm khiêu khích V khiến Thế A rất hoảng sợ và liên tục xin lỗi V. V yêu cầu Thế A đưa giấy tờ ra cho V kiểm tra. Do sợ bị đánh nên Thế A lấy ở túi quần phía sau ra một ví tiền rồi đưa cho V, V kiểm tra thấy trong ví có 1.600.000 đồng tiền Việt Nam cùng với 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á mang tên Trần Thế A và một số giấy tờ tùy thân khác. V để ở giữa giường rồi lấy điện thoại chụp ảnh lại, sau đó hỏi Thế A còn bao nhiêu tiền trong thẻ ATM. Sau khi nghe Thế A trả lời còn 19.000.000 đồng thì V tiếp tục hỏi mật khẩu tài khoản thẻ rồi gọi S lấy một quyển vở và một cái bút đưa vào cho V để ghi mật khẩu tài khoản cho S. Sau đó, V nhờ S đi rút 18.000.000 đồng trong thẻ. Tiếp tục, V cầm một con dao bấm hướng về phía Thế A rồi lại để dao xuống bàn và yêu cầu Thế A xóa hết ảnh của Thế A và chị H trong điện thoại. Vì bức xúc chuyện Thế A và chị H có quan hệ tình cảm bất chính nên D cũng đã dùng tay đánh hai cái vào vai của Thế A rồi đi ra ngoài. Khoảng 05 phút sau, D quay vào và sử dụng gậy ba khúc gõ vào chân giường rồi dùng chân đá vào người của Thế A và đi ra ngoài ngôi chơi một lúc rồi nhờ anh Phạm B chở đi làm việc tại nhà xe "Trung Tín".

Về phía S, sau khi rút tiền xong thì S điều khiển xe mô tô về cửa hàng "Hạnh Giang". Vì sợ tiếp tục bị đánh nên Thế A đã đưa hết tiền cho V và xin tha cho về, nhưng V yêu cầu Thế A phải viết giấy bán xe cho V thì V mới đồng ý. S từ ngoài đi vào nhìn thấy vậy thì đưa thẻ ATM cho V rồi đi ra. V hướng dẫn Thế A viết giấy bán xe mô tô biển kiểm soát 73F1-440.58 cho V với số tiền ghi trên giấy bán xe là 20.000.000 đồng, đồng thời hướng dẫn viết thêm một tờ giấy với nội dung bồi thường thiệt hại cho gia đình Hoàng V là 20.000.000 đồng. Sau đó, V gọi taxi và cho Thế A500.000 đồng của mình để Thế Avề. Khi đó, S nói với V chỉ rút được 15.000.000 đồng, đồng thời S nói lấy luôn 10.000.000 đồng mà V nợ bố mẹ S nên S cất giữ tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Còn lại 5.000.000 đồng S đưa cho V cất giữ. Sau đó, V điều khiển xe mô tô và mang những tài sản chiếm đoạt được của Thế A về nhà mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và giao trả tài sản cho chủ sở hữu là anh Trần Thế A 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WINNER, biển kiểm soát 73F1 - 440.58; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 029052 mang tên Trần Thế A; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 0473251; 01 giấy

chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 0473251 và 18.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với 01 con dao bấm, cán dao bằng nhựa, lưỡi dao bằng kim loại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã truy tìm nhưng không có kết quả. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ 01 roi điện, có vỏ nhựa màu đen và 01 cây gậy ba khúc làm bằng kim loại, hình trụ, được bọc bên ngoài bằng cao su.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/HĐ ngày 19 tháng 01 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thị xã B xác định: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được của anh Trần Thế A có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 38.200.000 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn chiếm đoạt của anh Trần Thế A 18.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Như vậy, tổng trị giá tài sản của bị hại tại thời điểm bị các bị cáo chiếm đoạt là 56.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo V và S đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Thế A số tiền là 2.000.000 đồng. Anh Thế A đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, cam kết không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSTXBĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Hoàng V về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Ngọc S về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Hoàng V và Trần Ngọc S, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Hoàng V từ 07 đến 08 năm tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 48 đến 54 tháng tù; về vật chứng của vụ án áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 roi điện, có vỏ nhựa màu đen và 01 cây gậy ba khúc làm bằng kim loại, hình trụ, được bọc bên ngoài bằng cao su, do đây là vật chứng bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng V và Trần Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện: Do bức xúc về việc Trần Thế A và vợ của mình là Trần Thị H có quan hệ nam nữ bất chính nên bị cáo V đã sử dụng roi điện, dao bấm là phương tiện nguy hiểm để khống chế Trần Thế A nhằm mục đích đe dọa và chiếm đoạt tài sản. Bị cáo S mặc dù biết sự việc trên nhưng không can ngăn mà ngược lại còn giúp sức để cùng bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt được của anh Trần Thế A có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 38.200.000 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn chiếm đoạt của anh Trần Thế A 18.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Như vậy, tổng trị giá tài sản của bị hại tại thời điểm bị các bị cáo chiếm đoạt là 56.200.000 đồng. Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: các bị cáo Hoàng V và Trần Ngọc S phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, có sức khỏe, có nhận thức xã hội đầy đủ nhưng vì có ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tài sản của người khác nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Bị cáo Hoàng V là người chủ mưu trong vụ án. Bị cáo có sự chuẩn bị về kết hoạch tiếp cập bị hại và các công cụ phương tiện trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Chính bị cáo V là người sử dụng vũ lực và đe dạo sử dụng vũ lực đối với bị hại nhằm đe dọa và chiếm đoạt tài sản. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Đối với bị cáo S là đồng phạm trong vụ án với vai trò là người giúp sức trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù giữa các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước nhưng chính bị cáo S là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo V để cùng nhau thực hiện hành vi cướp tài sản. Bị cáo S là người có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi "tàng trữ trái phép pháo" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà cùng với bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Xét thấy các bị cáo V là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho bị hại. Đồng thời bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Xét nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ một phần lỗi của bị hại (có quan hệ tình cảm bất chính với vợ của bị cáo V). Vì vậy, bị cáo V và S đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b; s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Liên quan trong vụ án có Trần Văn D là người đã cùng với bị cáo V chặn xe mô tô của Trần Thế A. Trong quá trình xảy ra sự việc, D đã dùng tay, chân đánh Thế Anh. Tuy nhiên, D không có bàn bạc, thỏa thuận từ trước với các bị cáo V và S. D cũng không biết việc các bị cáo chiếm đoạt tài sản của Thế A. Mặt khác, Thế A cũng đã có đơn bãi nại, từ chối giám định và không yêu cầu xử lý theo pháp luật hình sự đối với D về hành vi gây thương tích cho mình. Vì vậy, hành vi của D không cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự, tôi "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 của Bộ luật Hình sự và tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính đối với anh D bằng hình thức phạt tiền là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp.

Đối với Trần Thị H là người có mặt trong suốt quá trình xảy ra vụ án và chứng kiến hành vi phạm tội của các bị cáo V và S, do chị không có sự bàn bạc, thỏa thuận từ trước với các cáo V và S và cũng không có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Thế A nên hành vi của H không cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo V là chồng và bị cáo S là cháu của H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Hình sự thì hành vi của H không cấu thành tội "Che giấu tội phạm" quy định tại Điều 289 của Bộ luật Hình sự và tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ răn đe, nhắc nhở, giáo dục là phù hợp.

[6] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo.

Tuy nhiên, xét về động cơ phạm tội của bị cáo S thấy rằng bị cáo S chỉ giúp sức cho bị cáo V trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội mà ngay từ đầu, bản thân bị cáo S cũng không có ý định sẽ thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ là người tiếp nhận ý chí của bị cáo V, sau khi bị cáo V đã khống chế được bị hại. Mặt khác, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ và kịp thời giao trả cho bị hại. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường đầy đủ thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra cho bị hại. Sự thoả thuận đó giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Sau khi nhận lại toàn bộ tài sản, người bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, như vậy phần trách nhiệm dân sự trong vụ án đã thực hiện xong, Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã tiến hành thu giữ và chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B vật chứng là 01 roi điện, có vỏ nhựa màu đen và 01 cây gậy ba khúc làm bằng kim loại, hình trụ, được bọc bên ngoài bằng cao su. Xét thấy, đây là các vật chứng bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng V và Trần Ngọc S phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Hoàng V** 07 *(Bảy)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 19/01/2020.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng V 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc S** 04 *(Bốn)* năm tù, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/01/2020 đến ngày 03/4/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 roi điện và 01 cây gậy ba khúc. (Vật chứng trên có các đặc điểm được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B ngày 15 tháng 6 năm 2020)

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Buộc các bị cáo Hoàng V và Trần Ngọc S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn